

Câu 8 :

1. Ý thức pháp luật là : Tổng thể những học thuyết tư tưởng tình cảm của con người thể hiện thái độ, sự đánh giá về tính công bằng hay không công bằng, đúng đắn hay không đúng đắn của pháp luật hiện hành, pháp luật trong quá khứ và pháp luật cần phải có, về tính hợp pháp hay không hợp pháp trg các xử sự của con người, trong hoạt động của các cơ quan tổ chức.
2. Đặc điểm của ý thức pháp luật: Đặc điểm của ý thức pháp luật

Câu 13: Quan hệ pháp luật:

1. Khái niệm: Quan hệ pháp luật là **hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội**.

Hình thức pháp lý này xuất hiện trên cơ sở sự điều chỉnh của quy phạm pháp luật đối với quan hệ xã hội tương ứng và các bên tham gia quan hệ pháp luật đó (tức là các chủ thể của quan hệ pháp luật) đều mang những quyền, nghĩa vụ pháp lý được quy phạm pháp luật quy định.

2. Căn cứ phát sinh, thay đổi hay chấm dứt của quan hệ pháp luật là **Sự kiện pháp lý**

Hiểu một cách đơn giản thì sự kiện pháp lý là một sự kiện có ý nghĩa. Không phải sự kiện nào cũng có ý nghĩa pháp lý. Chỉ những sự kiện mà nhà làm luật cho là quan trọng và được dự kiến trước trong phần giả định của quy phạm pháp luật mới là sự kiện pháp lý.

Sự kiện pháp lý có thể là: hành vi (Sự kiện phụ thuộc ý chí con ng) hoặc sự biến (sự kiện không phụ thuộc hoặc chỉ gián tiếp phụ thuộc ý chí con người như thiên tai, chiến tranh.....)

Hành vi có thể được phân ra: Hành động (tích cực – tiêu cực) hoặc không hành động ; hành vi hợp pháp và không hợp pháp

Câu 15:

A, Các quyền cơ bản của công dân:

Nhóm quyền con người:

Quyền được sống, được tự do, được mưu cầu hạnh phúc

Nhóm quyền dân chủ về chính trị:

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội: Tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân; quyền bầu cử và ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật; quyền khiếu nại, tố cáo

với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang hoặc bất cứ cá nhân nào.

Nhóm quyền dân chủ về kinh tế, văn hóa, xã hội bao gồm:

Quyền lao động: Quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác; quyền thừa kế; quyền được bảo vệ sức khỏe; quyền được xây dựng nhà ở; quyền bình đẳng nam nữ; quyền được bảo hộ về hôn nhân và gia đình; quyền nghiên cứu khoa học; phát minh sáng chế; quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp; quyền Nhà nước – xã hội tạo điều kiện học tập; quyền được Nhà nước bảo hộ về hôn nhân – gia đình; quyền được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ..

B, Các nghĩa vụ cơ bản của công dân:

Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc; nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích của cộng đồng; nghĩa vụ đóng thuế và lao động công ích; nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật

Câu 18:

A, Khái niệm: Luật dân sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật dân sự do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân dựa trên nguyên tắc bình đẳng về pháp lý trong định đoạt, trong khởi kiện dân sự và trách nhiệm tài sản của những người tham gia quan hệ đó.

B,

Năng lực hành vi dân sự

Là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập quyền và nghĩa vụ dân sự theo pháp luật
Bao gồm: năng lực bằng ý chí của mình quyết định tham gia vào những giao dịch dân sự nhất định, bằng hành vi của bản thân để thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật dân sự đã tham gia, và năng lực phải gánh chịu trách nhiệm dân sự do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra.

Hành vi dân sự chia làm 3 nhóm: năng lực hành vi dân sự của người thành niên (những người từ đủ 18 tuổi trở lên và có sự phát triển bình thường về trí tuệ); năng lực hành vi dân sự của người chưa thành niên (từ 6 tuổi đến 18 tuổi mà trí tuệ phát triển bình thường); người không có hành vi dân sự (chưa đủ 6 tuổi).

Người mất năng lực hành vi là người mắc các chứng bệnh làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Năng lực pháp luật dân sự

Là khả năng của cá nhân (thể nhân), pháp nhân (tổ chức, cơ quan) hưởng quyền và nghĩa vụ theo luật

định. NLPL là hiện tượng pháp lý độc lập. Trong pháp luật dân sự, NLPL của cá nhân xuất hiện từ khi người đó sinh ra và mất đi khi người đó chết. Bộ luật dân sự Việt Nam năm 1995 quy định “Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và có nghĩa vụ dân sự; mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau” (điều 16). Nội dung NLPL của cá nhân quy định tại điều 17: “Quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản; quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác đối với tài sản; quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó”. “Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân không thể bị hạn chế trừ trường hợp do pháp luật quy định” (điều 18).

Câu 1:

1. Nhà nước có tính giai cấp: Chủ nghĩa Mác – Lê nin khẳng định “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được”, “nhà nước trước hết là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này với giai cấp khác – là bộ máy duy trì sự thống trị”. Để thực hiện sự thống trị của mình, giai cấp thống trị phải tổ chức và sử dụng nhà nước, củng cố và duy trì quyền lực về chính trị, kinh tế và tư tưởng đối với toàn xã hội. Bằng nhà nước, giai cấp thống trị về kinh tế trở thành giai cấp thống trị về chính trị, ý chí của giai cấp thống trị được thể hiện một cách tập trung và biện chứng hành ý chí nhà nước, bắt buộc mọi thành viên trong xã hội tuân theo. Nhà nước hiện là nhà nước kiểu mới, là nhà nước thực hiện quyền chuyên chính, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
2. Nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt, có bộ máy chuyên thực hiện cưỡng chế và quản lý những công việc chung của toàn xã hội.
Chủ thể của quyền lực này là giai cấp nắm quyền thống trị về kinh tế và chính trị. Để thực hiện được các quyền này, giai cấp thống trị cần 1 bộ máy được tổ chức gồm một lớp người được đào tạo chuyên để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.
3. Nhà nước thực hiện quản lý dân cư theo lãnh thổ
Sự phân chia này kiến cho sự tác động của nhà nước diễn ra trên quy mô rộng, hình thành bộ máy nhà nước từ TW đến địa phương.
4. Nhà nước có chủ quyền quốc gia
Thể hiện ở quyền tự quyết của nhà nước về tất cả các vấn đề thuộc chính sách đối nội và đối ngoại của quốc gia, không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài.
Quyền lực của nhà nước có hiệu lực với tất cả dân cư và các tổ chức trên lãnh thổ quốc gia
Dấu hiệu chủ quyền quốc gia làm xuất hiện quan hệ về quốc tịch tức là quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ của cá nhân với nhà nước mà người đó có tư cách là công dân.
5. Nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện quản lý bắt buộc với công dân
Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật. Nhà nước và pháp luật là 2 hiện tượng gắn bó hữu cơ với nhau. Nhà nước có bộ máy cưỡng chế đảm bảo cho việc thực thi pháp luật và thực hiện sự quản lý với mọi thành viên trong xã hội.
6. Nhà nước quy định các loại thuế và thực hiện thu thuế dưới hình thức bắt buộc.
Nhà nước là tổ chức gồm những người tách hẳn ra khỏi quá trình trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất vì vậy để nuôi dưỡng bộ máy ấy cần kinh phí để nó hoạt động. Đặt ra các loại thuế và thu thuế dưới hình thức bắt buộc là việc tạo ra nguồn thu đó, đảm bảo việc thực hiện vai trò của nhà nước. Thuế đã góp phần xác lập quan hệ chặt chẽ giữa nhà nước và dân cư.

- ➔ Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế, thực hiện chức năng quản lý nhằm duy trì trật tự xã hội bảo vệ quyền lợi và lợi ích của giai cấp thống trị.